

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**KHAI THÁC MỎ CÁT, SẠC, SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG**  
**THƯỜNG THƯỜNG TẠI THÔN ĐẮC TÔNG, XÃ NGỌC TỤ,**  
**HUYỆN ĐẮC TÔ, TỈNH KON TUM**

(Kèm theo Quyết định số: 563 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**1. Thông tin về Dự án**

- Tên dự án: Khai thác mỏ cát, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Đắc Tông, xã Ngọc Tụ, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum.

- Địa điểm thực hiện: Thôn Đắc Tông, xã Ngọc Tụ, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hoàng Long Hưng.

- Địa chỉ liên hệ: Khối 5, thị trấn Đắc Tô, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum.

- Số điện thoại: 0978.249.555.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi, diện tích: Khu vực dự án thuộc thôn Đắc Tông, xã Ngọc Tụ, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum. Diện tích mặt đất sử dụng: 7.742,5m<sup>2</sup>.

+ Diện tích, tọa độ các điểm góc khu vực khai thác mỏ:

| Điểm góc | Hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3°,<br>kinh tuyến trực 107°30' |         | Diện tích                    |
|----------|---|---------|------------------------------|
|          | X (m)   | Y (m)   |                              |
| I.1      | 1.626.015   | 530.020 | Khu 1<br>2.900m <sup>2</sup> |
| I.2      | 1.626.015   | 530.035 |                              |
| I.3      | 1.625.988   | 530.054 |                              |
| I.4      | 1.625.986   | 530.065 |                              |
| I.5      | 1.626.002   | 530.077 |                              |
| I.6      | 1.625.993   | 530.094 |                              |
| I.7      | 1.625.974   | 530.092 |                              |
| I.8      | 1.625.908   | 530.142 |                              |
| I.9      | 1.625.901   | 530.122 |                              |
| I.10     | 1.625.921   | 530.106 |                              |
| I.11     | 1.625.948   | 530.097 |                              |
| I.12     | 1.625.990   | 530.031 |                              |
| I.13     | 1.625.728   | 530.178 | Khu 2<br>1.600m <sup>2</sup> |
| I.14     | 1.625.720   | 530.191 |                              |

|                               |           |         |  |
|-------------------------------|-----------|---------|--|
| I.15                          | 1.625.683 | 530.167 |  |
| I.16                          | 1.625.647 | 530.149 |  |
| I.17                          | 1.625.648 | 530.120 |  |
| Diện tích 4.500m <sup>2</sup> |           |         |  |

+ Diện tích, toạ độ các điểm góc mặt bằng sân công nghiệp:

| Điểm góc | Hệ VN2000, múi chiếu 3°,<br>kinh tuyến trục 107°30' |         | Diện tích             |
|----------|---|---------|-----------------------|
|          | X (m)   | Y (m)   |                       |
| M1       | 1.625.674   | 530.078 | 3.242,5m <sup>2</sup> |
| M2       | 1.625.680   | 530.133 |                       |
| M3       | 1.625.615   | 530.098 |                       |
| M4       | 1.625.586   | 530.093 |                       |
| M5       | 1.625.591   | 530.066 |                       |

- Quy mô, công suất: Công suất khai thác khoáng sản cát, sạn, sỏi: 6.750m<sup>3</sup>/năm ở thể tự nhiên. Trong đó:

+ Công suất khai thác khoáng sản cát: 6.635m<sup>3</sup>/năm ở thể tự nhiên, tương đương 7.464,38m<sup>3</sup>/năm ở thể nguyên khai;

+ Công suất khai thác khoáng sản sạn, sỏi: 115m<sup>3</sup>/năm ở thể tự nhiên, tương đương 148,35m<sup>3</sup>/năm ở thể nguyên khai.

1.2. Tổng vốn đầu tư dự án: 1.123.961.000 đồng (*Một tỷ, một trăm hai mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

1.3. Thời gian hoạt động của Dự án: Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 169/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

1.4. Công nghệ áp dụng: Sử dụng máy hút cát đặt trên bè tự hành để bơm cát về bãi tập kết.

1.5 Công trình chính của Dự án: Khai trường có diện tích 4.500m<sup>2</sup>; khu phụ trợ 242,5m<sup>2</sup> (*nhà điều hành, kho vật tư và kho chứa chất thải nguy hại; dạng container di động*); bãi tập kết cát, sỏi, sạn diện tích 3.000m<sup>2</sup>.

## **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

### **2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:**

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải, bụi phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển sản phẩm.

### **2.2. Quy mô, tính chất nước thải:**

#### **a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:**

- Nước thải sinh hoạt khoảng 0,72m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần nước thải: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các hợp chất dinh dưỡng và các vi sinh vật.

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất khoảng 117,516m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần: Đất, cát, sinh khối thực vật, rác thải sinh hoạt.

*b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:*

- Nước thải sinh hoạt khoảng  $0,336\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ . Thành phần nước thải: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các hợp chất dinh dưỡng.

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất khoảng  $117,516\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Thành phần nước cuốn theo: Chất hữu cơ, dầu mỡ rơi vãi và cát, bụi.

- Nước từ bãi chứa cát, sạn, sỏi. Thành phần nước cuốn theo: Cát, sạn, sỏi.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

*a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:*

- Bụi phát sinh trong quá trình đào đắp, san ủi mặt bằng (*mặt bằng sân công nghiệp, xây dựng tuyến đường giao thông nội bộ...*). Thành phần chủ yếu là bụi.

- Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu của động cơ máy móc: Các máy móc thiết bị phục vụ xây dựng tại khu vực dự án, chủ yếu sử dụng nhiên liệu dầu diesel. Thành phần khí thải bao gồm: Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, Hidrocacbon...

*b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:*

- Bụi, khí thải phát sinh từ máy móc, thiết bị khai thác, bốc xúc và vận chuyển. Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

*a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:*

- Sinh khối phát sinh trong quá trình phát quang chủ yếu là cây mỳ, khối lượng  $1,9\text{m}^3$ .

- Chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng  $8,85\text{kg}/\text{ngày}$  gồm túi nilon, giấy vụn, vỏ hộp, mẫu thức ăn dư thừa, bao bì.

*b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân như: túi nilon, giấy vụn, vỏ hộp, mẫu thức ăn dư thừa, bao bì... Ước tính lượng rác thải phát sinh tại khu vực trung bình mỗi ngày là  $4,13\text{kg}/\text{ngày}$ .

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh do hoạt động sàng tuyển cát, sạn sỏi rơi vãi khối lượng  $15-20\text{kg}/\text{ngày}$ . Thành phần: rác, cành cây....

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

*a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:*

- Chất thải nguy hại chủ yếu là dầu mỡ thải phát sinh do quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện máy móc, khối lượng khoảng  $10\text{kg}/\text{tháng}$ .

*b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:*

- Chất thải nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau dầu mỡ bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau nhiễm dầu và thùng chứa nhiên liệu, dầu mỡ thải phát sinh do bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị máy. Khối lượng phát sinh khoảng  $11\text{kg}/\text{tháng}$ .

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các thiết bị, máy móc phục vụ trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn khai thác.

- Khối lượng chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường.

**3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.**

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Trang bị nhà vệ sinh di động, xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn với dung tích 9,2m<sup>3</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 6 tháng đến thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn, nước từ bãi chứa: Đào rãnh để thoát nước mưa, bố trí hố lắng có lót bạc chống thấm 0,5mx0,7mx0,5m để lắng cát trước khi đưa ra sông.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Phun nước làm ẩm khi đào đắp, san nền trong quá trình thi công xây dựng và khu vực sàn phân loại trong quá trình hoạt động. Tần suất: 2 lần/ngày.

- Phun nước trên các tuyến đường giao thông nội bộ, giao thông khu vực gần dự án. Tần suất: 2 lần/ngày.

- Che chắn bãi chứa nguyên liệu. Cát, sạn, sỏi và các nguyên vật liệu khác được đổ đúng vị trí quy định, không đổ thành đống cao.

- Phương tiện vận chuyển các xe được che chắn, không gây rơi vãi vật liệu, chất thải ra đường. Sử dụng máy móc thiết bị đã qua đăng kiểm.

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động tại công trường.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Xử lý bụi và khí thải đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc và QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi, giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Sinh khối phát sinh (cây mù): Cho người dân tận dụng để ủ làm phân bón hoặc tận dụng để trồng lại.

- Chất thải rắn sinh hoạt (*giai đoạn xây dựng và khai thác*), rác thải trong quá trình sàn tuyến cát, sạn, sỏi: bố trí 02 thùng rác 660 lít để thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

### 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Thu gom, lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 15m<sup>2</sup> (*kho di động bằng container*) và hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý; đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chủ dự án thực hiện đầy đủ việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5

năm 2019 của Chính phủ; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Bảo trì máy móc thiết bị; không sử dụng thiết bị có độ ồn lớn; thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt đệm cao su, lò xo chống rung.

- Bố trí mật độ xe phù hợp, yêu cầu tài xế giảm tốc độ, không bóp còi bừa bãi trong khi vận chuyển và khi dừng chờ vận chuyển.

- Lắp đặt bộ phận giảm thanh cho thiết bị bơm hút cát để giảm thiểu tiếng ồn khi vận hành.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc.

### 3.6. Nội dung phương án thực hiện nhằm giảm thiểu tác động đến lòng, bờ, bãi sông:

- Tuân thủ các quy định về khoảng cách khai thác an toàn đối với bờ sông. Xây dựng, lắp đặt phao tại các điểm mốc khai thác để đảm bảo khai thác đúng ranh giới cho phép.

- Khai thác không vượt quá độ sâu quy định tại giấy phép khai thác khoáng sản.

- Đóng cọc thép sát biên giới hai bên bờ suối để theo dõi quan sát sạt lở.

- Thiết kế và bố trí khoanh khai thác với sản lượng phù hợp cho từng năm trong quá trình khai thác; đồng thời đảm bảo thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Khu vực mặt bằng sân công nghiệp bố trí rãnh thoát nước.

- Thực hiện kè rọ đá các vị trí có nguy cơ sạt lở, chiều dài dự kiến 90m; vị trí như sau:

- + Từ điểm mốc số I.12 hướng về thượng nguồn khoảng 30m;

- + Từ điểm mốc số I.12 hướng về hạ nguồn khoảng 20m;

- + Từ điểm mốc số I.14 hướng về hạ nguồn khoảng 40m.

- Thực hiện nghiêm, đúng quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

- Trong thời gian dự án hoạt động nếu phát sinh các điểm có nguy cơ sạt lở khác Chủ dự án tiếp tục thực hiện dùng rọ đá để gia cố các điểm có nguy cơ sạt lở nhằm ổn định bờ sông.

- Trường hợp nếu xảy ra sự cố sạt lở bờ sông, bồi lắng bờ sông do mưa lũ trong thời gian triển khai dự án, Chủ dự án cam kết thực hiện biện pháp khắc phục kịp thời, cụ thể: ngừng hoạt động khai thác cát tạm thời ngay sau khi phát hiện sạt lở; trong thời gian 03 ngày sau khi phát hiện sạt lở, bồi lắng sẽ thông báo với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh để kiểm tra, giám sát; thực hiện các biện pháp gia cố bờ sông và nạo vét lòng sông theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh ngay

khi có ý kiến chỉ đạo; hoạt động khai thác trở lại khi được sự cho phép của Ủy ban nhân dân tỉnh để đảm bảo yêu cầu về chống, sạt lở bờ sông.

### 3.7. Biện pháp ứng phó với sự cố môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động đến giao thông địa phương như: điều tiết lượng xe ra vào khu vực mỏ hợp lý, duy tu đường vận chuyển định kỳ và thường xuyên kiểm tra để có kế hoạch xử lý...

- Xây dựng các hạng mục của dự án theo đúng thiết kế cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Bố trí khu vực lán trại công nhân, kho bãi tập kết nguyên vật liệu ở những nơi đảm bảo yêu cầu về an toàn và phù hợp với quy hoạch tại địa phương trong suốt quá trình thi công. Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ đội ngũ công nhân, ngăn chặn các hành vi gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Vào mùa mưa lũ, trường hợp cao trình mặt bằng sân công nghiệp thấp hơn mực nước lũ, Chủ dự án cần phải giải phóng mặt bằng và tạm dừng khai thác, vận chuyển máy móc, thiết bị, nhà điều hành, kho chứa chất thải nguy hại... về nơi an toàn; trả lại mặt bằng thông thoáng để không cản trở dòng chảy trong mùa mưa lũ.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án về phòng ngừa sự cố chất thải theo quy định tại Quyết định số 09/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải.

### 3.8. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường:

#### a) *Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:*

- Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 1 (*thực hiện từ năm đầu khai thác*):

+ Đóng cọc thép sát biên giới hai bên bờ để theo dõi quan sát sạt lở.

+ Lắp đặt biển báo nguy hiểm dọc hai bên bờ suối.

+ Củng cố chân bờ suối nơi có dấu hiệu sạt lở bằng cách dùng rọ sắt đung đá để giữ chân bờ suối nơi bị sạt lở, rọ sắt loại 2mx1m, chiều dài kè 90m.

- Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 2 (*tiến hành ngay khi kết thúc khai thác và hoàn tất sau khi Giấy phép khai thác hết hạn*):

+ Tháo dỡ, thu dọn toàn bộ công trình phụ trợ, trang thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động khai thác và vận chuyển ra khỏi phạm vi dự án; xử lý môi trường tại khu vực.

+ San gạt cải tạo đất tại khu vực sân công nghiệp; trồng cỏ voi trên mặt bằng sân công nghiệp.

- Nội dung thực hiện cải tạo thường xuyên: Duy tu tuyến đường vận chuyển phục vụ dự án.

#### b) *Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:*

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 183.525.000 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

- Số lần ký quỹ: 6 lần.

+ Lần 1, số tiền: 45.881.250 đồng (*Bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng*).

+ Các lần tiếp theo (5 lần), số tiền: 27.528.750 đồng/lần (*Hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng*).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum.

+ Số Tài khoản nhận tiền ký quỹ: 5100201010361 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

+ Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021 (*năm phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường*).

- Thời điểm thực hiện ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường: thực hiện ký quỹ lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ; thực hiện ký quỹ lần thứ 2 trở đi: Thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

\* Lưu ý: Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp giấy phép khai thác khoáng sản, nếu thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt thì Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời gian trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường để xem xét, điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án.**

- Nhà vệ sinh và bể tự hoại.
- Mương thoát nước.
- Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt.
- Kho chứa chất thải nguy hại.
- Công trình cải tạo phục hồi môi trường.

#### **5. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng, giai đoạn khai thác và cải tạo phục hồi môi trường:**

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Độ rung, bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>2</sub>.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (*tại nút giao thông đi vào mỏ, tại vị trí sân công nghiệp*).

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Các Quy chuẩn môi trường so sánh: QCVN05: 2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT; QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT.

5.2. Giám sát môi trường nước mặt:

- Thông số giám sát: pH, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Fe, Tổng dầu mỡ, Coliform.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí trên suối Đăk Rơ Ngát (*vị trí mỏ, hạ nguồn mỏ*).

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Các chỉ tiêu giám sát: khối lượng và thành phần chất thải.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: thường xuyên

#### 5.4. Giám sát khác:

- Giám sát sạt lở bờ sông. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Định kỳ 06 tháng/lần quan trắc, trắc địa bờ moong để có cơ sở xác định thông số dịch chuyển đất và dự báo nguy cơ sạt lở bờ sông.

#### **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường.**

- Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Đa dạng sinh học...

- Thực hiện các quy định về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông đối với hoạt động khai thác cát sỏi lòng sông theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được lựa chọn, phê duyệt.

- Thực hiện các quy định về an toàn trong thi công và phòng chống cháy nổ. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện báo cáo định kỳ về quan trắc và giám sát môi trường, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, kết quả giám sát và phục hồi môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường. Công tác báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tụ và những yêu cầu của người dân tại các Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư đính kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.

-----